

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2025/HNGĐ- ST**
Ngày : 09.4.2025
V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Sáu**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 238/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn 10 (10C cũ), xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Chị **Nông Thị M**, sinh năm 1989
Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn 10 (10C cũ), xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.
(Anh Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2024 các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị Nông Thị M chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 07 tháng 7 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Đến năm 2011, vợ chồng mâu thuẫn nên chị M đã bỏ nhà đi đến nay không có tin tức gì. Lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, vợ chồng cãi vã nhau. Chị M đi khỏi địa phương đưa theo cả con chung đến nay anh Đ không có tí tức gì. Anh Đ đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết việc dân sự tuyên bố chị M mất tích, quyết định đã có hiệu lực. Tuy nhiên đến nay chị M vẫn không về địa phương. Nay vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ, chị M mất tích đã lâu không có tin gì, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ yêu cầu giải

quyết được ly hôn với chị M.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Đ và chị M có 01 con chung là Phạm Trà M1, sinh ngày 24/01/2009. Khi chị M đi đến nay thì mang theo cả cháu M1, anh Đ không liên lạc được với con, không gặp được con đến nay. Vì vậy hiện tại anh Đ không có tin tức gì về con chung, anh Đ không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh Đ trình bày anh và chị M không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ và chị M không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nông Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc về vụ án ly hôn nhưng chị M vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22 tháng 01 năm 2025 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện B không tham gia phiên tòa nên không có bài phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội Đ xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội Đ xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Phạm Văn Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nông Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ và chị Nông Thị M chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 07 tháng 7 năm 2008. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn 10C, xã LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị M bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2011 đến nay không có tin tức. Lý do phát sinh mâu thuẫn anh Đ trình bày do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, khó khăn về kinh tế. Chị M tự ý bỏ nhà đi đưa theo con gái đến nay anh Đ không có tin tức gì về chị M và con.

Tại Quyết định sơ thẩm “*tuyên bố một người mất tích*” số 07/2024/QĐST-VDS ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm

Đồng đã tuyên bố chị Nông Thị M mất tích từ năm 2011 theo quy định của pháp luật. Từ khi tuyên bố mất tích đến nay, chị M cũng không về lại địa phương, không liên lạc nên anh Đ không có tin tức gì của chị M.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh Đ và chị M đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đòi sống chung vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Đ được ly hôn với chị M là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ lời khai của anh Đ, bản khai sinh của con do anh Đ nộp tại Tòa án thì quá trình chung sống anh Đ và chị M có 01 con chung tên là Phạm Trà M1, sinh ngày 24/01/2009. Anh Đ trình bày từ năm 2011 chị M bỏ đi đến nay đưa theo cả con chung và anh Đ không có tin tức về con chung. Anh Đ không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ trình bày anh và chị M không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ trình bày anh và chị M không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Đ đối với chị Nông Thị M về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Nông Thị M.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 Đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 Đ tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0007242 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã LT, huyện B,
tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Bích Thủy

